

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2020
“Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào

Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29/7/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị V, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Danh T, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 27/7/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thị V trình bày:

Bà và ông Danh T quen biết nhau từ nhỏ, lại ở chung xóm nên nảy sinh tình cảm và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1995, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng về cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do đó, bà V đã bỏ đi và sống ly thân với ông T từ năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà V nhận thấy không thể hàn gắn lại tình cảm với ông T được nữa nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống, ông bà có 04 con chung tên: Thị Ngọc T – sinh năm 1995, Danh Việt N – sinh năm 1998, Thị Ngọc C – sinh năm 2000 và Danh H – sinh ngày 02/02/2005. Bốn người con sống chung với ông T từ khi ông bà ly thân đến nay.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Thị V xác định không có.

Tại phiên tòa, bà Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh T. Về con chung tên Thị Ngọc T, Danh Việt N và Thị Ngọc C đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu gì; còn Danh H bà đồng ý giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà V khai là không có nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2020 và Biên bản hòa giải ngày 27/8/2020, bị đơn ông Danh T trình bày: Ông T thống nhất lời trình bày của bà V về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng nên ông không bổ sung thêm ý kiến gì.

Nguyên vọng: Về hôn nhân, ông Danh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V. Về con chung tên Thị Ngọc T, Danh Việt N và Thị Ngọc C đều đã trưởng thành nên ông cũng không yêu cầu gì, còn Danh H ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình bà V, ông T sống chung như vợ chồng với nhau do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên bà Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền là đúng theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS 2015).

Ông Danh T với tư cách là bị đơn trong vụ án nhưng ông có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS năm 2015 vụ án vẫn được xét xử là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị V và ông Danh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1995, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Thời gian sống chung với nhau từ năm 1995 đến nay, ông bà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010. Bà V cho rằng cá tính hai người không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng về cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do đó, ông bà đã tự ly thân từ năm 2012 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà V cũng đã suy nghĩ rất kỹ và xác định không thể hàn gắn tình cảm lại được nên bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Tại bản tự khai của ông T thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà V. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của ông bà mà căn áp dụng Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Thị V và ông Danh T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà V và ông T có 04 con chung tên Thị Ngọc T – sinh năm 1995, Danh Việt N – sinh năm 1998, Thị Ngọc C – sinh năm 2000 và Danh H – sinh ngày 02/02/2005. Ông bà đều khai, Thị Ngọc T, Danh Việt N và Thị Ngọc C đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu gì. Đối với Danh H, ông bà

tự thỏa thuận là bà V đồng ý giao cháu H cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, Danh H cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với cha. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà phù hợp với nguyện vọng của cháu H và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông T đều xác định ông bà không có tài sản chung, cũng không thiếu nợ ai nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân bằng 300.000 đồng bà Thị V phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Thị V và ông Danh T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Thị V và ông Danh T là giao con chung tên Danh H, sinh ngày 02/02/2005 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thị V phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005146 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Thị V đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Vĩnh Phước B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***Đã ký***Danh Thị Kiều Oanh**